

Số : ~~HT~~ /PNC-2013

V/v: Công bố thông tin

BCTC hợp nhất Quý II/2013

TP.Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2013

Kính gửi: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ Phần Văn Hóa Phương Nam kính gửi Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2013 đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.Hồ Chí Minh. Công ty Phương Nam kính đề nghị quý cơ quan công bố thông tin về Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2013 theo như quy định.

Xin chân thành cảm ơn.

Trân trọng,

CÔNG TY CP VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



NGUYỄN HỮU HOẠT

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu tại VPCT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2013 đến 30/06/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM



CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (hợp nhất)

Quý 02 Năm 2013

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		262,355,072,844	260,357,187,493
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	9,314,471,689	7,792,476,950
Tiền	111		9,314,471,689	7,792,476,950
Các khoản tương đương tiền	112			
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11,300,000,000	11,000,000,000
Đầu tư ngắn hạn	121		11,300,000,000	11,000,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51,930,568,188	58,309,952,121
Phải thu khách hàng	131	5.2	25,645,120,811	28,490,878,729
Trả trước cho người bán	132	5.3	15,064,098,607	17,650,576,485
Phải thu nội bộ	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	5.4	14,863,924,073	15,760,392,286
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(3,642,575,303)	(3,591,895,379)
Hàng tồn kho	140		176,607,224,268	170,905,760,612
Hàng tồn kho	141	5.5	176,659,066,668	170,957,603,012
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(51,842,400)	(51,842,400)
Tài sản ngắn hạn khác	150		13,202,808,699	12,348,997,810
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	6,960,806,264	3,128,337,619
Thuế GTGT được khấu trừ	152		480,591,301	669,209,933
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		764,432,386	764,432,386
Tài sản ngắn hạn khác	158	5.7	4,996,978,748	7,787,017,872
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		123,653,737,477	127,796,577,213
Các khoản phải thu dài hạn	210		8,332,000,000	8,332,000,000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218	5.8	8,332,000,000	8,332,000,000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		76,316,620,333	79,342,555,648
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	45,055,501,965	44,525,170,255
- Nguyên giá	222		104,219,455,608	98,962,371,522
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(59,163,953,643)	(54,437,201,267)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	26,479,053,157	26,726,098,303
- Nguyên giá	228		28,845,909,787	28,845,909,787
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2,366,856,630)	(2,119,811,484)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.12	4,782,065,211	8,091,287,090
Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241	5.11	34,364,000	34,364,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(34,364,000)	(34,364,000)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		24,816,049,241	24,908,465,157
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		12,154,937,697	12,154,937,697
Đầu tư dài hạn khác	258	5.13	12,661,111,544	12,753,527,460
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		14,189,067,903	15,213,556,408
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.14	6,895,479,119	8,214,724,785
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1,494,973,870	1,620,221,512
Tài sản dài hạn khác	268	5.15	5,798,614,914	5,378,610,111
CỘNG TÀI SẢN	270		386,008,810,321	388,153,764,707

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (hợp nhất)
Quý 02 Năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			30/06/2013	01/01/2013
NỢ PHẢI TRẢ	300		277,599,040,769	271,359,964,430
Nợ ngắn hạn	310		257,158,485,850	248,991,472,873
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.16	93,864,780,519	86,968,168,542
Phải trả người bán	312	5.17	122,655,187,388	117,514,060,546
Người mua trả tiền trước	313	5.18	1,089,354,185	1,198,220,649
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.19	403,126,825	427,480,689
Phải trả người lao động	315		2,432,421,047	4,462,444,652
Chi phí phải trả	316	5.20	19,715,495,181	19,703,350,798
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.21	17,027,648,414	18,717,746,997
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(29,527,709)	-
Nợ dài hạn	330		20,440,554,919	22,368,491,557
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	5.22	3,770,255,970	3,598,652,381
Vay và nợ dài hạn	334	5.23	16,278,876,824	18,585,011,824
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		391,422,125	184,827,352
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		108,409,769,552	116,793,800,277
Vốn chủ sở hữu	410	5.24	108,409,769,552	116,793,800,277
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		110,402,410,000	100,589,060,000
Thặng dư vốn cổ phần	412		24,738,460,046	34,551,810,046
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	414		(2,616,000,640)	(2,616,000,640)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		970,956,900	970,956,900
Quỹ dự phòng tài chính	418		1,027,776,814	1,027,776,814
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		(26,113,833,568)	(17,729,802,843)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
CỘNG NGUỒN VỐN	440		386,008,810,321	388,153,764,707

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (hợp nhất)

Quý 02 Năm 2013

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		25,384,423,324	26,479,123,957
Nợ khó đòi đã xử lý			
Ngoại tệ các loại			
USD		120.27	120.09
EURO			
Dư toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập biểu



Châu Thị Thu Hà

Kế toán trưởng



Ông Chu Nga

Ngày 31 tháng 07 năm 2013

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị



Phan Thị Lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (hợp nhất)

Quý 02 Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Quý 02 Năm 2013	Quý 02 Năm 2012	6 THÁNG Năm 2013	6 THÁNG Năm 2012
Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	91,459,746,638	90,278,967,635	171,092,239,299	166,490,751,350
Các khoản giảm trừ doanh thu	7,618,073,123	2,957,978,685	8,930,965,998	4,949,477,922
Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ	83,841,673,515	87,320,988,950	162,161,273,301	161,541,273,428
Giá vốn hàng bán	54,660,200,813	56,601,682,434	104,090,108,586	106,863,902,751
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	29,181,472,702	30,719,306,516	58,071,164,715	54,677,370,677
Doanh thu hoạt động tài chính	892,704,164	753,482,537	1,339,478,035	1,382,532,914
Chi phí tài chính	3,608,038,985	5,245,158,624	7,228,892,773	9,955,536,280
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>3,565,590,223</i>	<i>5,189,460,744</i>	<i>7,114,381,973</i>	<i>9,803,447,859</i>
Chi phí bán hàng	25,884,934,747	23,945,914,670	50,180,233,485	46,013,313,657
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,470,299,217	5,376,229,045	10,403,346,026	9,943,054,161
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(4,889,096,083)	(3,094,513,286)	(8,401,829,534)	(9,852,000,507)
Thu nhập khác	500,527,712	3,256,451,459	1,071,833,166	4,649,417,633
Chi phí khác	669,267,007	2,230,993,657	928,786,715	3,644,302,873
Lợi nhuận khác	(168,739,295)	1,025,457,802	143,046,451	1,005,114,760
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(5,057,835,378)	(2,069,055,484)	(8,258,783,083)	(8,846,885,747)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	13,407,892	45,589,295	125,247,642	(71,094,137)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(5,071,243,270)	(2,114,644,779)	(8,384,030,725)	(8,775,791,610)

Lập biểu



Châu Thị Thu Hà

Kế toán trưởng



Ông Chu Nga

Ngày 31 tháng 07 năm 2013

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị



Phan Thị Lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (hợp nhất)
(Theo phương pháp trực tiếp)
Quý 02 Năm 2013

Đơn vị tính : VNE

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/04/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/04/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	81,468,490,353	116,753,369,709	163,632,229,721	199,410,335,717
2. Tiền chi trả cho người cung cấp dịch vụ và hàng hóa	2	(72,846,196,940)	(100,745,323,005)	(138,280,439,010)	(166,141,324,342)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(9,622,710,356)	(8,885,201,248)	(20,639,596,464)	(20,302,557,509)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(3,569,601,578)	(5,167,067,607)	(7,122,412,767)	(10,283,254,593)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(284,824,486)	(49,571,209)	(284,824,486)	(49,571,209)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	11,232,918,724	7,427,338,277	24,701,925,545	16,923,203,370
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(9,919,033,949)	(7,300,770,438)	(24,267,531,159)	(18,346,719,451)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3,540,958,232)	2,032,774,479	(2,260,648,620)	1,210,111,983
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(420,425,669)	(32,344,636)	(1,008,993,630)	(1,748,387,080)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-	2,093,278	550,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-	-	-
4. Tiền thu cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1,301,190,906)	-	(8,706,190,906)
6. Tiền thu đầu tư góp vốn đơn vị khác	26	-	151,190,906	92,415,916	4,256,190,906
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11,609,447	294,207,416	101,520,819	440,999,940
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(408,816,222)	(888,137,220)	(812,963,617)	(5,207,387,140)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	51,781,000,000	56,876,000,000	106,375,180,519	114,318,683,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(44,703,702,542)	(56,503,929,725)	(101,779,573,543)	(109,385,918,885)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	7,077,297,458	372,070,275	4,595,606,976	4,932,764,115
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	3,127,523,004	1,516,707,534	1,521,994,739	935,488,958
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6,186,948,685	4,806,890,568	7,792,476,950	5,388,109,144
Ảnh hưởng đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	61				
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	9,314,471,689	6,323,598,102	9,314,471,689	6,323,598,102

Lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 07 năm 2013
 Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị


 Châu Thị Thu Hà


 Ông Chu Nga


 Phan Thị Lê

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 02 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002356 ngày 19 tháng 11 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 22 tháng 05 năm 2012.

Trụ sở Công ty được đặt tại số 940 đường 3/2, P.15, Q.11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.589.060.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 4 công ty con như được trình bày tại mục 1.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn)

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực văn hóa.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Kinh doanh siêu thị, hàng tiêu dùng, sách báo, tạp chí văn hóa phẩm, băng hình, vật tư ngành ảnh, ngành in, đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất và kinh doanh các tác phẩm điện ảnh: phim nhựa, phim quảng cáo, các sản phẩm nghe nhìn và thực hiện các dịch vụ khác thuộc lĩnh vực điện ảnh;
- In ấn các loại sách báo, tạp chí, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm, tem nhãn, bao bì các loại, giấy tờ quản lý kinh tế trên tất cả các chất liệu;
- Kinh doanh các dịch vụ thuộc ngành văn hóa thông tin: nhiếp ảnh, âm thanh, nhạc cụ, vẽ quảng cáo, thiết kế mỹ thuật, đánh máy, photocopy;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, nguyên liệu, thành phẩm và máy móc thiết bị có liên quan đến chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Sản xuất các sản phẩm phục vụ nhu cầu học tập, văn hóa bằng tất cả các chất liệu;
- Dịch vụ: sửa chữa, bảo trì máy móc, công cụ do Công ty kinh doanh; giữ xe của khách hàng.
- Tổ chức biểu diễn thời trang, ca múa nhạc chuyên nghiệp;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng;
- Sản xuất và mua bán các loại sản phẩm nghe nhìn: băng đĩa nhạc, băng đĩa hình, băng đĩa phim truyện, phim hoạt hình, băng đĩa có nội dung sân khấu – ca nhạc và các loại băng đĩa có nội dung được phép lưu hành;
- Dịch vụ bảo hộ quyền tác giả;
- Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không kinh doanh tại trụ sở);
- Kinh doanh rạp chiếu phim;
- Dịch vụ quảng cáo thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 02 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

1.4. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con trực tiếp</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam		100 %	100 %
2.	Công ty TNHH MTV VPP Phương Nam		100 %	100 %
3.	Công ty TNHH MTV Phim Phương Nam		100 %	100 %
4.	Công ty TNHH MTV In Phương Nam		100 %	100 %

1.5. Danh sách công ty liên doanh, liên kết không được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1.	Công ty Cổ phần Nhân Hiệu Phương Nam	137 Lê Quang Định, P.14, Q.Bình Thạnh, TP HCM	50,00%	59,90%
2.	Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	Số 59 Trần Quốc Hoàn, Q.Tân Bình, TP HCM	25,00%	25,00%
3.	Công ty Sách & Thiết bị Trường học Sóc Trăng	Số 66 Nguyễn Thị Minh Khai, P.3, Sóc Trăng	15,51%	15,51%
4.	Công ty CP Mega Phương Nam		32,00%	32,00%

Nguyên nhân không hợp nhất quyền lợi là do chưa thu thập đủ thông tin.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là nhật ký chứng từ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 02 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Công ty chưa tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 07 – Kế toán các khoản đầu tư vào Công ty liên kết - để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam và báo cáo tài chính các công ty con được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 02 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo [phương pháp đường thẳng/ phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh/ phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm] trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 20 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 12 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	02 – 14 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
+ Tài sản cố định vô hình	02 -50 năm

4.7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Nếu giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Tập đoàn.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 02 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.9. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào đặc thù từng loại chi phí.

4.10. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai

- Chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu được theo dõi và tập hợp lại và sau đó phân bổ theo đặc thù từng loại chi phí.
- Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai nếu tạo ra được tài sản cố định vô hình sẽ được ghi nhận vào nguyên giá của tài sản cố định vô hình đó.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.12. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.13. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông hàng năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 02 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.15. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các Công ty trong Tập đoàn.

4.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.17. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa nếm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu.

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 02 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.18. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý cần được trình bày khi phần lớn doanh thu phát sinh từ bán hàng ra ngoài đồng thời thỏa mãn một trong các điều kiện sau: a). Tổng doanh thu của bộ phận từ việc bán hàng ra ngoài và từ giao lịch với các bộ phận khác phải chiếm 10% trở lên trên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận, hoặc b) Kết quả kinh doanh của bộ phận này bất kể lãi (hay lỗ) chiếm từ 10% trở lên trên tổng lãi (hay lỗ) của tất cả các bộ phận còn lại (hoặc tổng lỗ của tất cả các bộ phận lỗ) nếu đại lượng nào có giá trị tuyệt đối lớn hơn, hoặc c) Tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên của tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 02 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2013	01/01/2013
Tiền mặt	5,857,105,366	3,507,924,062
Tiền gửi ngân hàng	3,457,366,323	4,284,552,888
Cộng	9,314,471,689	7,792,476,950

(a) Chi tiết số dư tiền mặt tại từng đơn vị trực thuộc như sau:

	30/06/2013	01/01/2013
Trụ sở chính	5,821,805,190	3,464,445,885
Công ty Sách Phương Nam	3,584,566	3,123,090
Công ty In Phương Nam	12,428,486	13,260,088
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	3,216,124	16,495,860
Công ty Phương Nam Phim	16,071,000	10,599,139
Cộng	5,857,105,366	3,507,924,062

(b) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại từng đơn vị trực thuộc như sau:

	30/06/2013	01/01/2013
Trụ sở chính	3,201,517,959	3,745,163,505
Công ty Sách Phương Nam	29,946,395	10,257,493
Công ty In Phương Nam	65,422,533	32,621,234
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	31,238,413	102,714,125
Công ty Phương Nam Phim	129,241,023	393,796,531
Cộng	3,457,366,323	4,284,552,888

5.2. Phải thu khách hàng

	30/06/2013	01/01/2013
Trụ sở chính	14,076,977,981	15,498,850,726
Công ty Sách Phương Nam	3,407,328,950	3,833,435,299
Công ty In Phương Nam	1,368,549,571	1,564,804,409
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	1,184,906,424	1,322,350,097
Công ty Phương Nam Phim	5,607,357,885	6,271,438,198
Cộng	25,645,120,811	28,490,878,729

Dự phòng phải thu khó đòi

Trụ sở chính	(2,071,328,908)	(2,071,328,908)
Công ty Sách Phương Nam	(72,252,984)	(72,252,984)
Công ty In Phương Nam	(785,687,070)	(785,687,070)
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	(705,813,194)	(655,133,270)
Công ty Phương Nam Phim	(7,493,147)	(7,493,147)
Cộng	(3,642,575,303)	(3,591,895,379)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 02 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.3. Trả trước cho người bán

	30/06/2013	01/01/2013
Trụ sở chính	11,616,371,651	13,871,314,721
Công ty Sách Phương Nam	2,911,115,386	2,946,574,194
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	134,000,000	134,000,000
Công ty In Phương Nam	12,050,000	8,050,000
Công ty Phương Nam Phim	390,561,570	690,637,570
Cộng	15,064,098,607	17,650,576,485

5.4. Các khoản phải thu khác

	30/06/2013	01/01/2013
Trụ sở chính	14,298,843,710	15,201,400,491
Công ty Sách Phương Nam	306,034,081	291,350,407
Công ty In Phương Nam	23,053,269	56,714,745
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	68,719,697	68,719,697
Công ty Phương Nam Phim	167,273,316	142,206,946
Cộng	14,863,924,073	15,760,392,286

5.5. Hàng tồn kho

	30/06/2013	01/01/2013
Nguyên liệu, vật liệu		
Công ty In Phương Nam	123,427,226	123,427,226
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	1,085,227,067	992,535,544
Công ty Phương Nam Phim	6,508,004,008	6,114,399,142
Cộng	7,716,658,301	7,230,361,912

Công cụ, dụng cụ

Trụ sở chính	164,350,813	244,765,684
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	28,215,000	28,215,000
Cộng	192,565,813	272,980,684

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Trụ sở chính	532,345,117	934,099,253
Công ty Sách Phương Nam	5,152,768,604	5,390,712,425
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	1,522,789,361	1,684,350,093
Công ty Phương Nam Phim	16,069,077,089	15,754,369,293
Cộng	23,276,980,171	23,763,531,064

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 02 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Thành phẩm		
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	13,548,902	13,221,238
Công ty Phương Nam Phim	11,336,829,678	11,974,394,067
Cộng	11,350,378,580	11,987,615,305
Hàng hóa		
Trụ sở chính	109,436,825,290	103,325,589,112
Công ty Sách Phương Nam	514,476,083	310,041,498
Công ty Phương Nam Phim	1,248,711,939	914,673,925
Cộng	111,200,013,312	104,550,304,535
Hàng gửi đi bán		
Trụ sở chính	148,061,642	131,595,814
Công ty Sách Phương Nam	14,851,712,777	15,371,537,100
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	4,335,375,101	4,139,393,459
Công ty Phương Nam Phim	3,587,320,971	3,510,283,139
Cộng	22,922,470,491	23,152,809,512
Cộng giá gốc hàng tồn kho	176,659,066,668	170,957,603,012
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(51,842,400)	(51,842,400)
Trụ sở chính	(51,842,400)	(51,842,400)
Giá trị thuần có thể thực hiện	176,607,224,268	170,905,760,612

5.6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2013	01/01/2013
Trụ sở chính	6,807,242,791	3,081,560,493
Công ty Sách Phương Nam	1,306,108	1,621,972
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	36,807,515	13,617,048
Công ty Phương Nam Phim	109,824,850	31,538,106
Cộng	6,960,806,264	3,128,337,619

5.7. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
Trụ sở chính	4,872,884,049	5,565,410,835
Công ty Sách Phương Nam	8,290,515	8,290,515
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	-	1,809,403,280
Công ty Phương Nam Phim	115,804,184	403,913,242
Cộng	4,996,978,748	7,787,017,872

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 02 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Tạm ứng (Văn phòng Công ty)	30/06/2013	01/01/2013
Trụ sở chính	402,565,648	490,588,228
Công ty Sách Phương Nam	8,212,140	8,212,140
Công ty Phương Nam Phim	85,804,184	373,913,242
Cộng	496,581,972	872,713,610

Các khoản cầm cố, ký quỹ ngắn hạn -VPCT	30/06/2013	01/01/2012
Trụ sở chính	286,880,000	625,876,497
Công ty Sách Phương Nam	-	20,000
Công ty Phương Nam Phim	30,000,000	30,000,000
Cộng	316,880,000	655,896,497

Tài sản thiếu chờ xử lý	30/06/2013	01/01/2013
Trụ sở chính	4,183,438,401	4,448,946,110
Công ty Sách Phương Nam	78,375	58,375
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	-	1,809,403,280
Cộng	4,183,516,776	6,258,407,765

5.8. Phải thu dài hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
Envoy Media Partners Ltd	8,332,000,000	8,332,000,000
	8,332,000,000	8,332,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 02 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.9. Tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
* Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	68,259,591,531	5,334,269,616	2,356,420,950	24,872,569,211	100,822,851,308
Mua trong kỳ	3,199,314,140	-	-	686,474,532	3,885,788,672
Tăng khác	1,191,200,302	21,082,881	-	1,838,053,854	3,050,337,037
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	2,411,175,558	64,694,965	-	1,063,650,886	3,539,521,409
Số dư cuối kỳ	70,238,930,415	5,290,657,532	2,356,420,950	26,333,446,711	104,219,455,608
* Giá trị hao mòn					
Số dư đầu kỳ	34,040,228,863	4,256,497,865	1,731,783,505	16,973,803,886	57,002,314,119
Khấu hao	1,856,228,364	76,275,725	88,310,163	866,270,067	2,887,084,319
Tăng khác	2,223,947,121	142,315,560	-	815,016,994	3,181,279,675
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	1,579,511,014	171,414,896	421,774	2,155,376,786	3,906,724,470
Số dư cuối kỳ	36,540,893,334	4,303,674,254	1,819,671,894	16,499,714,161	59,163,953,643
* Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	34,219,362,668	1,077,771,751	624,637,445	7,898,765,325	43,820,537,189
Số dư cuối kỳ	33,698,037,081	986,983,278	536,749,056	9,833,732,550	45,055,501,965

5.10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	3,556,784,787	25,232,525,000	56,600,000	28,845,909,787
Tăng trong kỳ				-
Số dư cuối kỳ	3,556,784,787	25,232,525,000	56,600,000	28,845,909,787
Giá trị hao mòn				
Số dư đầu kỳ	2,186,910,279	-	56,600,000	2,243,510,279
Khấu hao trong kỳ	123,346,351	-	-	123,346,351
Giảm trong kỳ				
Số dư cuối kỳ	2,310,256,630	-	56,600,000	2,366,856,630
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	1,369,874,508	25,232,525,000	-	26,602,399,508
Số dư cuối kỳ	1,246,528,157	25,232,525,000	-	26,479,053,157

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 02 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.11. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	34,364,000
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	
Số dư cuối kỳ	34,364,000
Giá trị hao mòn	
Số dư đầu kỳ	34,364,000
Tăng trong kỳ	
Giảm trong kỳ	
Số dư cuối kỳ	34,364,000
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	-
Số dư cuối kỳ	-

5.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tên Công Trình	30/06/2013	01/01/2013
Các nhà sách	4,376,515,180	7,685,737,059
Công trình cửa hàng băng đĩa	405,550,031	405,550,031
	4,782,065,211	8,091,287,090

5.13. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
Đầu tư dài hạn khác	12,661,111,544	12,753,527,460
Cộng	12,661,111,544	12,753,527,460

5.14. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2013	01/01/2013
Trụ sở chính	6,637,964,423	7,798,287,532
Công ty Sách Phương Nam	170,472,993	256,095,063
Công ty In Phương Nam	-	46,029,490
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	30,722,655	70,467,663
Công ty Phương Nam Phim	56,319,048	43,845,037
Cộng	6,895,479,119	8,214,724,785



CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 02 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15. Tài sản dài hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
Ký quỹ dài hạn		
Trụ sở chính	5,798,614,914	5,363,610,111
Công ty Sách Phương Nam	-	15,000,000
Cộng	5,798,614,914	5,378,610,111

5.16. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2013	01/01/2013
Ngân hàng	93,864,780,519	86,968,168,542
Cộng	93,864,780,519	86,968,168,542

5.17. Phải trả người bán

	30/06/2013	01/01/2013
Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	106,859,475,934	99,243,417,069
Công ty MTV Sách Phương Nam	6,038,309,159	7,350,347,451
Công ty MTV In Phương Nam	(26,555,267)	151,111,833
Công ty MTV Văn phòng phẩm Phương Nam	618,033,418	614,892,117
Công ty MTV Phim Phương Nam	9,165,924,144	10,154,292,076
Cộng	122,655,187,388	117,514,060,546

5.18. Người mua trả tiền trước

	30/06/2013	01/01/2013
Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	986,109,505	792,822,323
Công ty MTV Sách Phương Nam	-	106,296,646
Công ty MTV In Phương Nam	17,023,890	17,023,890
Công ty MTV Văn phòng phẩm Phương Nam	76,664,890	76,664,890
Công ty MTV Phim Phương Nam	9,555,900	205,412,900
Cộng	1,089,354,185	1,198,220,649

5.19. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách

	30/06/2013	01/01/2013
Thuế giá trị gia tăng	314,582,481	253,588,460
Thuế xuất nhập khẩu	(8,088,141)	1,423,674
Thuế tiêu thụ đặc biệt	119,308	804,388
Thuế thu nhập cá nhân	96,513,177	171,664,167
Cộng	403,126,825	427,480,689

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 02 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.20. Chi phí phải trả

	30/06/2013	01/01/2013
Trụ sở chính	3,465,474,205	4,514,683,955
Công ty Sách Phương Nam	799,469,438	670,010,230
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	560,154,058	137,426,433
Công ty Phương Nam Phim	14,890,397,480	14,381,230,180
Cộng	19,715,495,181	19,703,350,798

5.21. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/06/2013	01/01/2013
Trụ sở chính	15,267,870,946	15,357,375,386
Công ty Sách Phương Nam	607,407,190	601,447,225
Công ty In Phương Nam	188,519,981	6,739,638
Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	38,676,744	1,816,927,191
Công ty Phương Nam Phim	925,173,553	935,257,557
Cộng	17,027,648,414	18,717,746,997

5.22. Phải trả dài hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	719,208,236	818,458,236
Nhận vốn góp theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	306,335,156	306,335,156
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	412,873,080	512,123,080
Công ty TNHH MTV Phim Phương Nam	3,051,047,734	2,780,194,145
Cộng	3,770,255,970	3,598,652,381

5.23. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2013	01/01/2013
Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	16,209,530,824	18,481,009,824
Vay dài hạn	16,209,530,824	18,481,009,824
Công ty TNHH MTV Văn Phòng Phẩm Phương Nam	69,346,000	104,002,000
Vay dài hạn	69,346,000	104,002,000
Cộng	16,278,876,824	18,585,011,824

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 02 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.24 Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu quý	100,589,060,000	34,551,810,046	(2,616,000,640)	970,956,900	1,027,776,814	(17,729,802,843)	116,793,800,277
Tăng vốn trong quý	9,813,350,000						9,813,350,000
Tăng khác							-
Trích lập các quỹ		(9,813,350,000)					(9,813,350,000)
Lợi nhuận trong quý						(8,384,030,725)	(8,384,030,725)
Chia trả cổ tức							-
Chi từ quỹ							-
Giảm khác							-
Số dư cuối quý	110,402,410,000	24,738,460,046	(2,616,000,640)	970,956,900	1,027,776,814	(26,113,833,568)	108,409,769,552

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 02 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 02/2013	Quý 02/2012
Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	81,258,162,554	83,765,590,225
Công ty MTV Sách Phương Nam	-	56,807,830
Công ty MTV In Phương Nam	276,643,176	198,345,065
Công ty MTV Văn phòng phẩm Phương Nam	1,824,379,921	2,135,373,831
Công ty MTV Phim Phương Nam	8,100,560,987	4,122,850,684
Cộng	91,459,746,638	90,278,967,635

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 02/2013	Quý 02/2012
Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	885,731,473	609,014,350
Công ty MTV Sách Phương Nam	39,198,644	94,556,105
Công ty MTV Văn phòng phẩm Phương Nam	1,818,966,000	1,157,005,542
Công ty MTV Phim Phương Nam	4,874,177,006	1,097,402,688
Cộng	7,618,073,123	2,957,978,685

6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 02/2013	Quý 02/2012
Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	80,372,431,081	83,156,575,875
Công ty MTV Sách Phương Nam	(39,198,644)	(37,748,275)
Công ty MTV In Phương Nam	276,643,176	198,345,065
Công ty MTV Văn phòng phẩm Phương Nam	5,413,921	978,368,289
Công ty MTV Phim Phương Nam	3,226,383,981	3,025,447,996
Cộng	83,841,673,515	87,320,988,950

6.4 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Quý 02/2013	Quý 02/2012
Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	52,981,600,946	53,818,078,659
Công ty MTV Sách Phương Nam	(449,605,906)	(371,064,261)
Công ty MTV In Phương Nam	262,590,383	366,996,220
Công ty MTV Văn phòng phẩm Phương Nam	(57,075,704)	798,518,616
Công ty MTV Phim Phương Nam	1,922,691,094	1,989,153,200
Cộng	54,660,200,813	56,601,682,434

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 02 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 02/2013	Quý 02/2012
Lãi tiền gửi	361,612,895	295,020,506
Chiết khấu thanh toán	439,320,220	414,714,529
Chênh lệch tỉ giá thanh toán	135,657,516	43,747,502
Lãi liên doanh	(80,215,322)	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	36,328,855	
Cộng	892,704,164	753,482,537

6.6 Chi phí tài chính

	Quý 02/2013	Quý 02/2012
Chi phí lãi vay	3,561,570,784	5,153,230,872
Chênh lệch tỉ giá		1,673
Chiết khấu	46,468,201	48,189,928
Chi phí tài chính khác	-	43,736,151
Cộng	3,608,038,985	5,245,158,624

6.7 Chi phí bán hàng

	Quý 02/2013	Quý 02/2012
Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	24,962,598,472	23,312,360,730
Công ty MTV Sách Phương Nam	95,387,309	172,163,920
Công ty MTV Văn phòng phẩm Phương Nam	12,899,601	39,066,161
Công ty MTV Phim Phương Nam	814,049,365	422,323,859
Cộng	25,884,934,747	23,945,914,670

6.8 Chi phí quản lý

	Quý 02/2013	Quý 02/2012
Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	4,486,111,312	4,005,268,246
Công ty MTV Sách Phương Nam	308,467,345	399,398,991
Công ty MTV In Phương Nam	2,040,000	10,410,758
Công ty MTV Văn phòng phẩm Phương Nam	64,326,228	59,529,195
Công ty MTV Phim Phương Nam	609,354,332	901,621,855
Cộng	5,470,299,217	5,376,229,045

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 02 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.9 Thu nhập khác

	Quý 02/2013	Quý 02/2012
Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	487,109,422	94,298,793
Công ty MTV Sách Phương Nam	31,220	38,357
Công ty MTV In Phương Nam	(298)	3,137,863,636
Công ty MTV Văn phòng phẩm Phương Nam	13,386,906	24,250,643
Công ty MTV Phim Phương Nam	462	30
Cộng	500,527,712	3,256,451,459

6.10 Chi phí khác

	Quý 02/2013	Quý 02/2012
Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	669,266,966	322,065,315
Công ty MTV Sách Phương Nam	41	60,043,878
Công ty MTV In Phương Nam	-	1,844,264,464
Công ty MTV Phim Phương Nam	-	4,620,000
Cộng	669,267,007	2,230,993,657

6.11. Tài sản tài chính, công nợ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2013	30/06/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9,314,471,689	6,323,598,102
Phải thu khách hàng và phải thu khác	49,527,581,125	41,715,429,981
Khoản đầu tư tài chính	11,300,000,000	9,000,000,000
Tài sản tài chính khác	6,115,514,914	4,909,831,914
Tổng cộng	76,257,567,728	61,948,859,997
Các khoản vay	110,143,657,343	107,449,161,289
Phải trả người bán và phải trả khác	140,095,708,882	135,129,385,956
Chi phí phải trả	19,715,495,181	18,612,270,135
Tổng cộng	269,954,861,406	261,190,817,380

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 02 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam	Công ty con
2. Công ty TNHH MTV VPP Phương Nam	Công ty con
3. Công ty TNHH MTV Phim Phương Nam	Công ty con
4. Công ty TNHH MTV In Phương Nam	Công ty con
5. Công ty CP Nhãn Hiệu Phương Nam	Công ty liên kết
6. Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	Công ty liên kết
7. Công ty Sách & Thiết bị Trường học Sóc Trăng	Công ty liên kết
8. Công ty CP Mega Phương Nam	Công ty liên kết

- Giao dịch giữa Công ty và các công ty con, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Giao dịch giữa các công ty liên doanh, liên kết chưa được loại trừ trong quá trình hợp nhất

7.1 Vào ngày 30/06/2013, các khoản nợ loại trừ khi tổng hợp như sau:

Công ty	Quan hệ	Nội dung	Trị giá (VND)
a) Công ty Sách Phương Nam			
Công ty CP Văn hoá Phương Nam	Công ty mẹ	Phải thu thương mại	2,773,419,139
		Phải trả thương mại	31,746,126
		Phải thu khác	-
		Phải trả khác	6,457,580,574
Công ty 1TV In Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải trả thương mại	3,249,876,875
Công ty 1TV Phương Nam Phim	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	238,773,351
		Phải trả thương mại	136,707,330
Công ty Văn Phòng Phẩm Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải trả thương mại	4,647,501
b) Công ty In Phương Nam			
Công ty CP Văn hoá Phương Nam	Công ty mẹ	Phải thu thương mại	2,781,224,306
		Phải trả thương mại	181,254,700
		Phải thu khác	6,322,523,510
Công ty 1TV Sách Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	3,249,876,875
Công ty Văn Phòng Phẩm Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	1,007,425,343

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 02 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

c) Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam

Công ty CP Văn hoá Phương Nam	Công ty mẹ	Phải thu thương mại	1,302,274,557
		Phải trả thương mại	932,133,965
		Phải trả khác	103,745,000
		Phải thu khác	999,404
Công ty 1TV Sách Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	4,647,501
Công ty 1TV In Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	16,728,400
		Phải trả thương mại	1,007,425,343

d) Công ty TNHH Một TV Phương Nam Phim

Công ty CP Văn hoá Phương Nam	Công ty mẹ	Phải thu thương mại	6,376,990,212
		Phải trả thương mại	776,438,570
		Phải trả khác	9,607,041,713
		Phải thu khác	-
Công ty 1TV Sách Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	136,707,330
		Phải trả thương mại	238,773,351

e) Công ty CP Nhân hiệu Phương Nam

Công ty CP Văn hoá Phương Nam	Công ty liên kết	Phải thu thương mại	
		Phải trả thương mại	(1,797,990,427)
		Phải trả khác	
		Phải thu khác	

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 02 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

7.2. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận – Đơn vị tính: triệu đồng
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2012

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kinh doanh nhà sách	Phát hàng sách	SXKD Văn phòng phẩm	SXKD phim, băng đĩa	In, thiết kế	Loại trừ	Tổng bộ phận đã báo cáo
Doanh thu	146,252	4,492	4,591	16,399	754	(10,946)	161,542
Từ khách hàng bên ngoài	146,252	67	1,073	13,395	754		161,541
Giữa các bộ phận		4,425	3,518	3,003		(10,946)	-
Tổng cộng	146,252	4,492	4,591	16,398	754	(10,946)	161,541
Kết quả hoạt động kinh doanh							
Kết quả của bộ phận	590	(410)	(852)	(420)	1,175	(1,054)	(971)
Chi phí không phân bổ							-
LN trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	590	(410)	(852)	(420)	1,175	(1,054)	(971)
Thu nhập tài chính	2,083	1.66	3.05	146	0.39		2,234
Chi phí tài chính	9,982		45				10,027
Thu nhập từ công ty liên kết							-
Thuế TNDN					23	(51)	(28)
Lợi nhuận sau thuế	(7,309)	(409)	(894)	(274)	1,152	(1,003)	(8,737)
Lợi ích cổ đông thiểu số							-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(7,309)	(409)	(894)	(274)	1,152	(1,003)	(8,737)
Các khoản mục bất thường							-
Lợi nhuận thuần	(7,309)	(409)	(894)	(274)	1,152	(1,003)	(8,737)
Các thông tin khác							
Tài sản của bộ phận	386,068	35,898	15,699	53,377	14,276	(98,538)	406,780
Công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất	386,068	35,898	15,699	53,377	14,276	(98,538)	406,780
Nợ phải trả của bộ phận	255,031	22,551	8,607	38,390	626	(43,297)	281,908
Nợ phải trả không phân bổ							-
Tổng nợ phải trả hợp nhất	255,031	22,551	8,607	38,390	626	(43,297)	281,908
Chi phí mua sắm tài sản	(1,748)						(1,748)
Chi phí khấu hao	5,285	27	44	99	406		5,861

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 02 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2013

Chỉ tiêu	Kinh doanh nhà sách	Phát hàng sách	SXKD VPP	SXKD phim, băng đĩa	In, thiết kế	Loại trừ	Tổng bộ phận đã báo cáo
Doanh thu và thu nhập khác	155,247	5,294	3,272	9,536	507	(11,695)	162,161
Từ khách hàng bên ngoài	155,247	11	(21)	6,417	507	-	162,161
Giữa các bộ phận		5,283	3,293	3,119	-	(11,695)	-
Tổng cộng	155,247	5,294	3,272	9,536	507	(11,695)	162,161
Kết quả hoạt động kinh doanh							
Kết quả của bộ phận	(2,443)	81	(69)	(517)	77	(501)	(2,369)
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
LN trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	(2,443)	81	(69)	(517)	77	(501)	(3,371)
Thu nhập tài chính	1,227	38	1	74	0	-	1,339
Chi phí tài chính	7,222	-	7	-	-	-	7,229
Thu nhập từ công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-
Thuế TNDN							-
Lợi nhuận sau thuế	(8,437)	119	(76)	(443)	77	(501)	(9,261)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(8,437)	119	(76)	(443)	77	(501)	(9,261)
Các khoản mục bất thường	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	(8,437)	119	(76)	(443)	77	(501)	(9,261)
Các thông tin khác							
Tài sản của bộ phận	381,518	31,197	9,442	52,979	14,047	(103,174)	386,009
Công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất	381,518	31,197	9,442	52,979	14,047	(103,174)	386,009
Nợ phải trả của bộ phận	259,761	17,438	3,406	38,935	360	(42,302)	277,599
Nợ phải trả không phân bổ							-
Tổng nợ phải trả hợp nhất	259,761	17,438	3,406	38,935	360	(42,302)	277,599
Chi phí mua sắm tài sản	(420)					-	(420)
Chi phí khấu hao	2,903	36	14	57		-	3,010

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn hoàn toàn tại Việt Nam. Do đó, không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần phải thuyết minh

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.